

Số: 393/2024/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ
thông công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày
27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối
với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm
học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Hòa Bình về dự thảo Nghị quyết phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục
vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh
Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Người học trong các cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản 2 điều này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu đúng; thu các khoản phục vụ, hỗ trợ chi cho các hoạt động giáo dục; chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trước khi thu phải có dự toán chi tiết thu, chi từng khoản; chỉ được thu sau khi đã thỏa thuận với cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, bảo đảm mức thu phù hợp với từng cơ sở giáo dục công lập. Mức thu không vượt quá mức tối đa quy định tại Nghị quyết này.

2. Quy định mức thu phải bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, sử dụng đúng mục đích theo quy định hiện hành nhằm hỗ trợ các chi phí phục vụ hoạt động ở các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

3. Đối với học sinh đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã đặc biệt khó khăn; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Căn cứ tình hình thực tế, cơ sở giáo dục công lập và Ban đại diện cha mẹ học sinh có thể xem xét, thống nhất việc miễn, giảm một số khoản thu dịch vụ theo quy định. Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú không được thu đối với các dịch vụ mà nhà nước đã chi trả cho học sinh, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

4. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được thực hiện thu theo năm học và chia thành nhiều đợt.

5. Cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, quản lý các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

6. Các cơ sở giáo dục công lập không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Danh mục các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu tối đa
1	Dịch vụ phục vụ trông trưa, trông ngày thứ bảy; chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian nghỉ hè đối với trẻ em mầm non tối đa không quá 8h/ngày.	5.000đồng/giờ/hs
2	Dịch vụ hỗ trợ tiền điện	10.000đồng/tháng/hs
3	Dịch vụ hỗ trợ trả tiền vệ sinh môi trường, lao công phụ vụ công tác vệ sinh	20.000đồng/tháng/hs
4	Dịch vụ hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất theo nhu cầu	80.000đồng/năm/hs

2. Đối với cơ sở giáo dục Tiểu học

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu tối đa
1	Dịch vụ hỗ trợ tiền điện	5.000đồng/tháng/hs
2	Dịch vụ hỗ trợ trả tiền vệ sinh môi trường, lao công phụ vụ công tác vệ sinh	20.000đồng/tháng/hs
3	Dịch vụ hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất theo nhu cầu	80.000đồng/năm/hs
4	Dịch vụ hỗ trợ tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng giữa kì, cuối kì, cuối năm, tổ chức các hoạt động giao lưu (ra đề, sao in, tổ chức coi, chấm, ấn phẩm....)	30.000đồng/năm/hs
5	Dịch vụ phục vụ trông, giữ phương tiện đối với xe đạp	15.000đồng/xe/tháng

3. Đối với cơ sở giáo dục Trung học cơ sở

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu tối đa
1	Dịch vụ hỗ trợ tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng, tổ chức các kỳ thi trong năm học (ra đề, sao in, tổ chức coi, chấm, ấn phẩm....).	15.000đồng/tháng/hs
2	Dịch vụ hỗ trợ tiền điện	5.000đồng/tháng/hs
3	Dịch vụ hỗ trợ trả tiền vệ sinh môi trường, lao công phụ vụ công tác vệ sinh	20.000đồng/tháng/hs
4	Dịch vụ hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất theo nhu cầu.	80.000đồng/năm/hs
5	Dịch vụ phục vụ trông, giữ phương tiện đối với xe đạp, xe đạp điện.	15.000đồng/xe/tháng

4. Đối với cơ sở giáo dục Trung học phổ thông, học sinh phổ thông học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu tối đa
1	Dịch vụ hỗ trợ tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng, tổ chức các kỳ thi trong năm học (ra đề, sao in, tổ chức coi, chấm, ấn phẩm....).	18.000đồng/tháng/hs
2	Dịch vụ hỗ trợ trả tiền điện.	5.000đồng/tháng/hs
3	Dịch vụ hỗ trợ trả tiền vệ sinh môi trường, lao công phụ vụ công tác vệ sinh.	20.000đồng/tháng/hs
4	Dịch vụ hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất theo nhu cầu.	80.000đồng/năm/hs
5	Dịch vụ phục vụ trông, giữ phương tiện đối với xe đạp, xe đạp điện.	15.000đồng/xe/tháng
6	Dịch vụ phục vụ trông, giữ phương tiện đối với xe máy, xe máy điện.	25.000đồng/xe/tháng

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 164/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (Tu).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình